



STAY HUNGRY FOR SUCCESS

19.12.2025

# MARKET INSIGHTS REPORT

SẴN HỎA ĐẢ KIẾP (THEO LỬA MÀ HÀNH ĐỘNG)

# NỘI DUNG CHÍNH

**03** Chuyển động thị trường

**05** TTCK Việt Nam – góc nhìn giao dịch thị trường

**06** Phân tích kỹ thuật  
Thị trường cân bằng và phân hóa cao

**07** Hỗ trợ và kháng cự cổ phiếu trong ngày

**07** Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến

**08** Danh mục khuyến nghị mua bán của Smart Invest

**08** Tin tức kinh tế vĩ mô

**09** Biểu đồ trong ngày

**10** TTCK Mỹ  
Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng hoặc giảm nhẹ vào phiên tối nay

# CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

## THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



## ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

### HOSE

|                                |     |
|--------------------------------|-----|
| Tổng số cổ phiếu giao dịch     | 375 |
| Số cổ phiếu không có giao dịch | 0   |
| Số cổ phiếu tăng giá           | 162 |
| Số cổ phiếu giảm giá           | 154 |
| Số cổ phiếu giữ nguyên giá     | 59  |

### HNX

|                                |     |
|--------------------------------|-----|
| Tổng số cổ phiếu giao dịch     | 208 |
| Số cổ phiếu không có giao dịch | 0   |
| Số cổ phiếu tăng giá           | 80  |
| Số cổ phiếu giảm giá           | 69  |
| Số cổ phiếu giữ nguyên giá     | 59  |

### UPCOM

|                                |     |
|--------------------------------|-----|
| Tổng số cổ phiếu giao dịch     | 426 |
| Số cổ phiếu không có giao dịch | 0   |
| Số cổ phiếu tăng giá           | 159 |
| Số cổ phiếu giảm giá           | 137 |
| Số cổ phiếu giữ nguyên giá     | 130 |

## GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

### HOSE

|                      | Mua        | Bán       | Mua-Bán   |
|----------------------|------------|-----------|-----------|
| Khối lượng           | 144,337.13 | 95,674.06 | 48,663.07 |
| % KL toàn thị trường | 18.58%     | 12.32%    |           |
| Giá trị              | 4,913,086  | 4,411,378 | 501,707   |
| % GT toàn thị trường | 20.35%     | 18.27%    |           |

### HNX

|                      | Mua      | Bán      | Mua-Bán  |
|----------------------|----------|----------|----------|
| Khối lượng           | 5,825.70 | 4,699.29 | 1,126.41 |
| % KL toàn thị trường | 18.58%   | 12.32%   |          |
| Giá trị              | 134,133  | 103,755  | 30,378   |
| % GT toàn thị trường | 9.59%    | 7.42%    |          |

### UPCOM

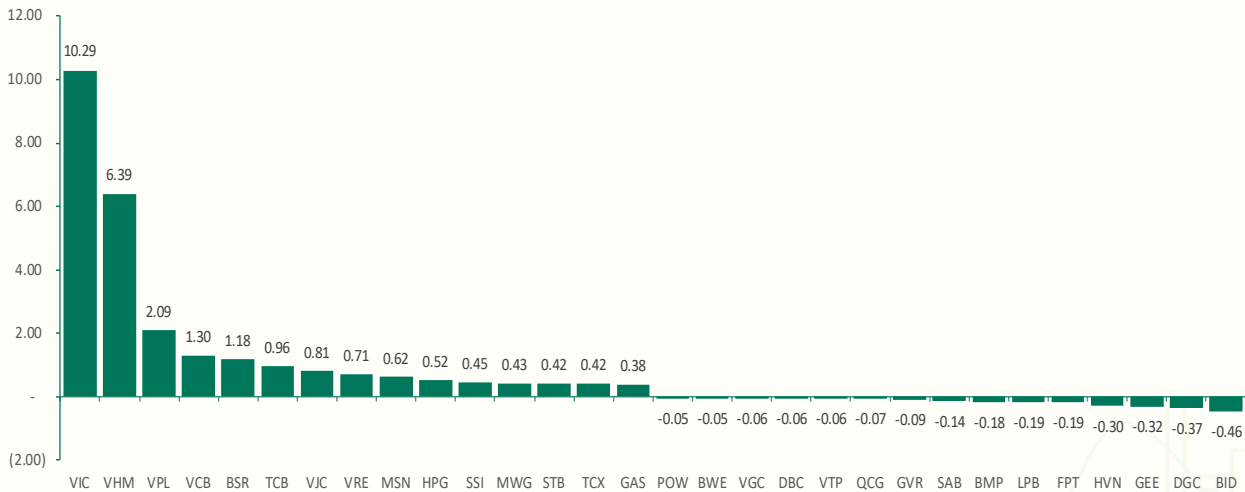
|                      | Mua      | Bán      | Mua-Bán |
|----------------------|----------|----------|---------|
| Khối lượng           | 1,786.90 | 1,627.90 | 159.00  |
| % KL toàn thị trường | 3.36%    | 3.06%    |         |
| Giá trị              | 7,882    | 9,272    | (1,390) |
| % GT toàn thị trường | 1.16%    | 1.37%    |         |

# CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

## TOP 10 VỐN HÓA

| STT | Mã CK | KL         | Giá     | Thay đổi      | P/E    | P/B  | EPS   | Vốn hóa   |
|-----|-------|------------|---------|---------------|--------|------|-------|-----------|
| 1   | VIC   | 12,784,300 | 148,500 | 5,800 (4.06%) | 63.60  | 3.56 | 2,335 | 1,148,424 |
| 2   | VCB   | 4,265,500  | 57,500  | 700 (1.23%)   | 11.48  | 2.16 | 5,008 | 480,451   |
| 3   | VHM   | 5,348,700  | 101,500 | 6,600 (6.95%) | 16.22  | 1.77 | 6,259 | 416,902   |
| 4   | BID   | 2,050,700  | 37,700  | -300 (-0.79%) | 9.69   | 1.58 | 3,890 | 264,705   |
| 5   | TCB   | 9,184,900  | 33,600  | 600 (1.82%)   | 10.79  | 1.33 | 3,113 | 238,098   |
| 6   | VPB   | 9,896,000  | 28,450  | 150 (0.53%)   | 10.93  | 1.41 | 2,603 | 225,720   |
| 7   | HPG   | 29,580,600 | 26,700  | 300 (1.14%)   | 12.38  | 1.61 | 2,157 | 204,935   |
| 8   | MBB   | 10,343,600 | 24,700  | 50 (0.2%)     | 6.10   | 1.49 | 4,051 | 198,958   |
| 9   | CTG   | 7,234,100  | 34,450  | 100 (0.29%)   | 5.55   | 1.09 | 6,207 | 184,996   |
| 10  | VPL   | 1,614,300  | 93,800  | 5,000 (5.63%) | 394.12 | 4.68 | 238   | 168,212   |

## TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



## TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH

| Ngành                                               | % index (D) | % index (YTD) | Số mã |
|-----------------------------------------------------|-------------|---------------|-------|
| Tất cả                                              | +1.30%      | +49.70%       | 1,599 |
| ▼ Tài chính                                         | +0.70%      | +23.81%       | 107   |
| > Tổ chức tín dụng                                  | +0.62%      | +23.11%       | 29    |
| > Dịch vụ tài chính                                 | +1.36%      | +32.40%       | 65    |
| > Bảo hiểm                                          | +1.00%      | +24.91%       | 13    |
| ► Bất động sản                                      | +3.75%      | +157.83%      | 133   |
| ▼ Công nghiệp                                       | -0.35%      | +25.03%       | 401   |
| > Văn tài                                           | -0.04%      | +15.70%       | 117   |
| > Hàng hóa công nghiệp                              | -0.90%      | +43.31%       | 230   |
| > Dịch vụ thương mại và chuyên nghiệp               | +0.26%      | +43.61%       | 54    |
| ► Nguyên vật liệu                                   | -0.01%      | +7.78%        | 284   |
| ▼ Tiêu dùng thiết yếu                               | +0.77%      | +13.96%       | 167   |
| > Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá                    | +0.63%      | +14.21%       | 154   |
| > Thương mại hàng thiết yếu                         | +9.02%      | 0%            | 9     |
| > Sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình             | -0.30%      | +5.12%        | 4     |
| ▼ Tiêu dùng không thiết yếu                         | +2.41%      | +32.30%       | 186   |
| > Thương mại hàng không thiết yếu                   | +0.98%      | +23.83%       | 65    |
| > Dịch vụ tiêu dùng                                 | +5.16%      | +19.47%       | 37    |
| > Thời trang và hàng lâu bền                        | -0.38%      | +61.35%       | 71    |
| > Xe và linh kiện                                   | -0.06%      | +0.24%        | 13    |
| ► Tiện ích                                          | -0.27%      | +4.32%        | 153   |
| ▼ Dịch vụ truyền thông                              | -0.17%      | -29.91%       | 41    |
| > Dịch vụ viễn thông                                | -0.14%      | -31.06%       | 18    |
| > Truyền thông và giải trí                          | -0.52%      | +4.97%        | 23    |
| ► Năng lượng                                        | +2.65%      | +0.48%        | 53    |
| ▼ Công nghệ thông tin                               | -0.50%      | -26.39%       | 16    |
| > Phần mềm và dịch vụ                               | -0.50%      | -27.41%       | 9     |
| > Phần cứng và thiết bị                             | -0.48%      | +127.02%      | 7     |
| ▼ Chăm sóc sức khỏe                                 | +0.67%      | +8.53%        | 58    |
| > Dược phẩm, công nghệ sinh học và khoa học sự sống | +0.74%      | +13.18%       | 47    |
| > Thiết bị và dịch vụ chăm sóc sức khỏe             | -0.14%      | -35.95%       | 11    |

## Sấn hỏa đả kiếp (Theo lửa mà hành động)

### Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa tăng 27.33 điểm (+ 1.63%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

**(1) Thương mại hàng không thiết yếu, dịch vụ tiêu dùng, bất động sản, năng lượng, dịch vụ tài chính, bảo hiểm, thực phẩm đồ uống và thuốc lá, tổ chức tín dụng ... là nhóm tăng giá nhiều nhất trong ngày.** Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ như MWG, PNJ, FRT, VPL, VIC, VHM, VRE, KBC, NVL, KDH, PDR, DXG, CEO, TAL, HDC, NLG, SIP, BSR, PLX, PVD, TCX, VIX, VND, HCM, HCM, FTS, VCI, BVH, BIC, MIG, VNM, MSN, HAG, VCB, TCB, VPB, CTG, STB, HDB, TPB ... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

#### (i) MWG tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Long White Candle";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ MWG có sóng 4 điều chỉnh và theo mô hình ABC trong đó sóng B lại hình thành sóng zigzag abc nhỏ. Về cơ bản cổ phiếu tạo mô hình hai đáy của sóng 4;
- ✓ Một Break out kháng cự 88 sẽ thúc đẩy sóng 5 tăng giá đảo độ dốc với mức tăng giá mạnh hơn;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 51%;

#### (ii) KDH tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Long White Candle";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ KDH đang ở sóng 4 điều chỉnh giảm giá với mô hình ABC và đã chạm mục tiêu;
- ✓ KDH đang trong bước đầu hình thành sóng 5 tăng giá và kháng cự hiện tại quanh vùng giá 34. Một Break out sẽ hướng tới vùng giá mục tiêu 39 – 45;
- ✓ KDH là cổ phiếu thích hợp đầu tư trung hạn;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 57%;

#### (iii) BSR tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "White Closing Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ BSR đang hình thành sóng 5 tăng giá với mục tiêu 22 – 28;
- ✓ Cổ phiếu này có thể được vào VN30 trong giai đoạn tới và đây là giai đoạn giao dịch cổ phiếu có thể theo hướng duy trì mức giá cao buộc các quỹ chỉ số phải mua vào khi được lọt vào danh mục VN30 hơn là vì lợi nhuận;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 57%;

#### (iv) VNM tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "White Closing Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng trên chưa mở ra hỗ trợ giá tăng – Tín hiệu cản trở đà tăng;
- ✓ Kháng cự hiện tại quanh vùng giá 66 và chúng tôi chưa rõ xu hướng tiếp theo của VNM với mô hình hiện tại;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 57%;

**(2) Hàng hóa công nghiệp, truyền thông giải trí, phần mềm dịch vụ, thời trang và hàng lâu bền, tiện ích, dịch vụ viễn thông, xe và linh kiện, vận tải, nguyên vật liệu... là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày.** Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ như GEE, VEA, VGC, BMP, CTD, LCG, FCN, YEG, FPT, CMG, VGT, TCM, TNG, GIL, POW, BWE, VGI, CTR, TMT, GVR, DGC, MSR, DPR, AAA ... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

#### (i) CTD giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Black Opening Marubozu";
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ CTD đang nằm trên hỗ trợ của kênh tăng giá thiết lập từ tháng 4/2025 – Tín hiệu có thể dừng giảm quanh khu vực này;
- ✓ Về mô hình vận động, CTD vẫn ở mô hình xấu với nguy cơ hình thành sóng 5 giảm giá với mục tiêu 69 – 73.
- ✓ Kháng cự hiện tại cho sóng hồi quanh vùng giá 86;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

#### (ii) POW giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Black Opening Marubozu";
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Về mẫu hình, POW đang thiết lập sóng 5 tăng giá mục tiêu 16 nhưng PTI chỉ đạt 20 < 35 nên mức độ chắc chắn không cao;
- ✓ Chúng tôi lưu ý POW sẽ có lỗi khi vận hành thương mại nhà máy điện khí LNG;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

#### (iii) DGC giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "White Opening Marubozu";
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ DGC giao dịch lịch sử với khớp lệnh 36 triệu và nhiều NĐT kỳ vọng hoạt động thầu tóm có thể diễn ra trong bối cảnh thị trường có tin đồn lãnh đạo bị bắt;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

# PHÂN TÍCH KỸ THUẬT: Vận động vẫn tương tự như các mô hình cũ cung thường thấy

## VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Long White Candle”. Khối lượng giao dịch tăng và vượt mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá tăng khối lượng giao dịch tăng là mô hình tăng giá có sự hỗ trợ của khối lượng – Tín hiệu tích cực.

Các điểm cần lưu ý:

(i) NĐT nước ngoài mua ròng hơn 551 tỷ đồng (Tính cả 3 sàn). Tốp mua ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: HPG, SSI, BSR, VIX, MSN, VCB, VHM, TCX, VJC, STB ... Tốp bán ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: DGC, VIC, FPT, HVN, DGW, ACB, VPX, DIG, HCM, LPB...Hôm nay, cá nhân nước ngoài, tự doanh, tổ chức trong nước và cá nhân nước ngoài là nhóm mua ròng còn cá nhân trong nước là người bán ròng.

(ii) VN-Index phục hồi tốt và vượt lên MA(20) với cây nến thân dài. Khối lượng cũng tăng lên vượt mức trung bình 20 ngày và chỉ số cũng vượt kháng cự 1,700 điểm. Với kiểu Sideway trong khoảng 1,600 đến 1,780 điểm thì việc vượt lên các đường trung bình động ít ý nghĩa bởi đó là các đường phẳng làm ngang và giá có thể cắt qua cắt lại liên tục. Chúng tôi vẫn cho rằng thị trường đang dịch chuyển tích cực một cách chậm rãi kể từ sau cú rũ cung và diễn biến vẫn đi theo hướng ủng hộ xu hướng tích cực. Độ rộng lan tỏa một cách từ từ và xuất hiện nhiều mã duy trì đà tăng tốt sau T+5 như BSR, FCN, VND, SSI...

Các cổ phiếu tiến vào mạnh: MSR...

Các cổ phiếu mua tích lũy: IDC, KSB, MSB...

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 09 mã cho tín hiệu mua, 02 mã cho tín hiệu bán, 19 mã cho tín hiệu đi ngang. Các mã PLX, VNM, VCB, STB, SSI, VPB, GAS, MBB...cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 51% và 50% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số giao dịch sẽ tăng điểm với giá đóng cửa không rõ cao hơn thấp hơn mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 6. Hỗ trợ và kháng cự là 1,650 - 1,760 điểm.

## Biểu đồ chỉ số VN-Index



## Biểu đồ cổ phiếu MWG



## HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

## CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

| Ticker  | Pivot   | BC      | TC      | NarrowRange | R1      | R2      | R3      | R4      | S1      | S2      | S3      | S4      |
|---------|---------|---------|---------|-------------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|
| HNX30   | 546.05  | 545.08  | 547.02  | NO          | 550.34  | 552.69  | 556.98  | 559.33  | 543.7   | 539.41  | 537.06  | 532.77  |
| HNINDEX | 253.35  | 253.04  | 253.66  | NO          | 255.88  | 257.8   | 260.33  | 262.25  | 251.43  | 248.9   | 246.98  | 244.45  |
| UPINDEX | 119.36  | 119.33  | 119.39  | YES         | 119.76  | 120.11  | 120.51  | 120.86  | 119.01  | 118.61  | 118.26  | 117.86  |
| VN30    | 1924.14 | 1919.56 | 1928.71 | NO          | 1946.55 | 1959.83 | 1982.24 | 1995.52 | 1910.86 | 1888.45 | 1875.17 | 1852.76 |
| VNINDEX | 1695.91 | 1691.72 | 1700.11 | NO          | 1714.16 | 1724    | 1742.25 | 1752.09 | 1686.07 | 1667.82 | 1657.98 | 1639.73 |
| VNXALL  | 2851.65 | 2845.75 | 2857.55 | NO          | 2880.08 | 2896.72 | 2925.15 | 2941.79 | 2835.01 | 2806.58 | 2789.94 | 2761.51 |
| VN30FIM | 1929.63 | 1926    | 1933.27 | NO          | 1949.87 | 1962.83 | 1983.07 | 1996.03 | 1916.67 | 1896.43 | 1883.47 | 1863.23 |
| VN30FIQ | 1923.5  | 1919.5  | 1927.5  | NO          | 1943    | 1954.5  | 1974    | 1985.5  | 1912    | 1892.5  | 1881    | 1861.5  |
| VN30F2M | 1959.67 | 1973.25 | 1946.08 | NO          | 2009.83 | 2087.17 | 2137.33 | 2214.67 | 1882.33 | 1832.17 | 1754.83 | 1704.67 |
| VN30F2Q | 1919.8  | 1917.5  | 1922.1  | NO          | 1934.6  | 1944.8  | 1959.6  | 1969.8  | 1909.6  | 1894.8  | 1884.6  | 1869.8  |
| ACB     | 23.93   | 23.95   | 23.92   | YES         | 24.02   | 24.13   | 24.22   | 24.33   | 23.82   | 23.73   | 23.62   | 23.53   |
| BCM     | 61.43   | 61.5    | 61.37   | NO          | 61.67   | 62.03   | 62.27   | 62.63   | 61.07   | 60.83   | 60.47   | 60.23   |
| BID     | 37.82   | 37.88   | 37.76   | NO          | 38.03   | 38.37   | 38.58   | 38.92   | 37.48   | 37.27   | 36.93   | 36.72   |
| BVH     | 53.47   | 53.2    | 53.73   | NO          | 54.63   | 55.27   | 56.43   | 57.07   | 52.83   | 51.67   | 51.03   | 49.87   |
| CTG     | 34.37   | 34.32   | 34.41   | NO          | 34.68   | 34.92   | 35.23   | 35.47   | 34.13   | 33.82   | 33.58   | 33.27   |
| GVR     | 26.55   | 26.6    | 26.5    | NO          | 26.65   | 26.85   | 26.95   | 27.15   | 26.35   | 26.25   | 26.05   | 25.95   |
| FPT     | 94.17   | 94.3    | 94.03   | NO          | 94.73   | 95.57   | 96.13   | 96.97   | 93.33   | 92.77   | 91.93   | 91.37   |
| GAS     | 63.67   | 63.5    | 63.83   | NO          | 64.33   | 64.67   | 65.33   | 65.67   | 63.33   | 62.67   | 62.33   | 61.67   |
| HDB     | 25.8    | 25.73   | 25.88   | NO          | 26.15   | 26.35   | 26.7    | 26.9    | 25.6    | 25.25   | 25.05   | 24.7    |
| HPG     | 26.6    | 26.55   | 26.65   | NO          | 26.8    | 26.9    | 27.1    | 27.2    | 26.5    | 26.3    | 26.2    | 26      |
| LPB     | 44.6    | 45.15   | 44.05   | NO          | 45.7    | 47.9    | 49      | 51.2    | 42.4    | 41.3    | 39.1    | 38      |
| MBB     | 24.63   | 24.6    | 24.67   | NO          | 24.77   | 24.83   | 24.97   | 25.03   | 24.57   | 24.43   | 24.37   | 24.23   |
| MSN     | 75.2    | 74.9    | 75.5    | NO          | 76.4    | 77      | 78.2    | 78.8    | 74.6    | 73.4    | 72.8    | 71.6    |
| MWG     | 82.4    | 82.15   | 82.65   | NO          | 83.5    | 84.1    | 85.2    | 85.8    | 81.8    | 80.7    | 80.1    | 79      |
| PLX     | 34.9    | 34.93   | 34.88   | YES         | 35.15   | 35.45   | 35.7    | 36      | 34.6    | 34.35   | 34.05   | 33.8    |
| SAB     | 49.83   | 49.9    | 49.77   | NO          | 50.07   | 50.43   | 50.67   | 51.03   | 49.47   | 49.23   | 48.87   | 48.63   |
| SSB     | 17.43   | 17.4    | 17.47   | NO          | 17.57   | 17.63   | 17.77   | 17.83   | 17.37   | 17.23   | 17.17   | 17.03   |
| SHB     | 16.08   | 16.05   | 16.12   | NO          | 16.27   | 16.38   | 16.57   | 16.68   | 15.97   | 15.78   | 15.67   | 15.48   |
| SSI     | 30.53   | 30.4    | 30.67   | NO          | 31.22   | 31.63   | 32.32   | 32.73   | 30.12   | 29.43   | 29.02   | 28.33   |
| TCB     | 33.45   | 33.38   | 33.53   | NO          | 33.8    | 34      | 34.35   | 34.55   | 33.25   | 32.9    | 32.7    | 32.35   |
| STB     | 48.57   | 48.35   | 48.78   | NO          | 49.43   | 49.87   | 50.73   | 51.17   | 48.13   | 47.27   | 46.83   | 45.97   |
| TPB     | 16.78   | 16.75   | 16.82   | NO          | 16.92   | 16.98   | 17.12   | 17.18   | 16.72   | 16.58   | 16.52   | 16.38   |
| VCB     | 57.23   | 57.1    | 57.37   | NO          | 57.77   | 58.03   | 58.57   | 58.83   | 56.97   | 56.43   | 56.17   | 55.63   |
| VHM     | 99.37   | 98.3    | 100.43  | NO          | 103.63  | 105.77  | 110.03  | 112.17  | 97.23   | 92.97   | 90.83   | 86.57   |
| VIB     | 17.6    | 17.6    | 17.6    | YES         | 17.7    | 17.8    | 17.9    | 18      | 17.5    | 17.4    | 17.3    | 17.2    |
| VIC     | 147.53  | 147.05  | 148.02  | NO          | 153.07  | 157.63  | 163.17  | 167.73  | 142.97  | 137.43  | 132.87  | 127.33  |
| VJC     | 197.2   | 195.85  | 198.55  | NO          | 202.6   | 205.3   | 210.7   | 213.4   | 194.5   | 189.1   | 186.4   | 181     |
| VPB     | 28.3    | 28.23   | 28.38   | NO          | 28.6    | 28.75   | 29.05   | 29.2    | 28.15   | 27.85   | 27.7    | 27.4    |
| VRE     | 31.23   | 31      | 31.47   | NO          | 32.27   | 32.83   | 33.87   | 34.43   | 30.67   | 29.63   | 29.07   | 28.03   |
| VNM     | 63.67   | 63.5    | 63.83   | NO          | 64.33   | 64.67   | 65.33   | 65.67   | 63.33   | 62.67   | 62.33   | 61.67   |

| Ticker     | Volume            | AvgVolume 10 Days | Change %       | Daily Returns % |
|------------|-------------------|-------------------|----------------|-----------------|
| DGC        | 36,714,200        | 3,351,810         | 1,095          | -6.28           |
| VND        | 26,362,600        | 13,060,530        | 202            | 2.58            |
| BSR        | 24,803,500        | 7,566,850         | 328            | 6.69            |
| <b>VIC</b> | <b>12,784,300</b> | <b>6,246,210</b>  | <b>204.67</b>  | <b>4.06</b>     |
| MST        | 7,041,400         | 2,968,540         | 237            | 2.99            |
| VFS        | 6,134,300         | 2,385,040         | 257            | 4               |
| <b>TCX</b> | <b>4,515,700</b>  | <b>1,942,470</b>  | <b>232.47</b>  | <b>1.71</b>     |
| FTS        | 4,139,500         | 887,800           | 466            | 6.72            |
| HID        | 3,735,000         | 1,475,360         | 253            | -6.93           |
| <b>BCR</b> | <b>3,686,800</b>  | <b>520,140</b>    | <b>708.81</b>  | <b>12.5</b>     |
| DFF        | 3,628,500         | 665,260           | 545            | -11.11          |
| HVN        | 2,623,000         | 1,100,580         | 238            | -1.72           |
| PVX        | 1,554,400         | 287,460           | 541            | 0               |
| HSL        | 1,428,000         | 663,400           | 215            | -1.81           |
| <b>FID</b> | <b>1,329,700</b>  | <b>71,560</b>     | <b>1858.16</b> | <b>10</b>       |
| OGC        | 1,311,200         | 520,660           | 252            | -2.63           |
| KLB        | 1,269,900         | 456,600           | 278            | 2.41            |
| DDG        | 1,201,600         | 468,240           | 257            | -7.69           |
| POM        | 1,181,000         | 103,460           | 1,142          | 14.29           |
| <b>GKM</b> | <b>1,133,100</b>  | <b>159,760</b>    | <b>709.25</b>  | <b>-10</b>      |
| CVN        | 1,106,000         | 42,730            | 2,588          | 0               |
| BGE        | 879,400           | 144,320           | 609            | 6.38            |
| DHC        | 521,200           | 154,840           | 337            | 4.44            |
| LMH        | 483,700           | 18,140            | 2,666          | 0               |
| <b>ITD</b> | <b>477,200</b>    | <b>151,480</b>    | <b>315.03</b>  | <b>0</b>        |
| VTV        | 455,400           | 104,700           | 435            | 9.92            |
| BCE        | 434,500           | 88,580            | 491            | 0.46            |
| BOT        | 424,700           | 78,870            | 538            | 5.56            |
| DSE        | 416,600           | 174,160           | 239            | 2.33            |
| PVL        | 414,900           | 26,830            | 1,546          | 13.33           |
| ABW        | 411,600           | 204,370           | 201            | 0.85            |
| PAT        | 320,700           | 120,710           | 266            | 4.04            |
| DIC        | 237,000           | 57,500            | 412            | 0               |
| SDA        | 232,600           | 27,700            | 840            | -7.69           |
| FTM        | 229,800           | 13,790            | 1,666          | 0               |
| ONE        | 196,100           | 31,310            | 626            | 9.37            |
| BII        | 189,700           | 27,670            | 686            | 0               |
| DCS        | 187,700           | 41,770            | 449            | 11.11           |
| VNH        | 180,900           | 33,640            | 538            | 0               |
| AIG        | 177,400           | 11,090            | 1,600          | 10.86           |

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

- Lưu ý: DGC, VND...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

# DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

| Ngày khuyến nghị | Mã CK | Khuyến nghị hành động | Giá mua/bán | Hiệu suất sinh lời | Ghi chú                                            |
|------------------|-------|-----------------------|-------------|--------------------|----------------------------------------------------|
| 18-Dec           | C4G   | Mua                   | ≤ 9.2       | 10% -20%           | Mô hình đáy vòng với khối lượng giao dịch tăng lên |
| 18-Dec           | VND   | Mua                   | ≤ 20        | 10% -20%           | Mua PullBack MA(200)                               |

## Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **KHÔNG MỞ MUA CỔ PHIẾU MỚI**;

## Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 18/12, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 25.151 VND/USD, tăng tiếp 05 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua giao ngay được niêm yết ở mức 23.944 VND/USD, cao hơn 50 đồng so với tỷ giá sàn. Tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 26.358 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với tỷ giá trần. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 26.325 VND/USD, tiếp tục giảm 10 đồng so với phiên 17/12. Tỷ giá trên thị trường tự do giảm 50 đồng ở chiều mua vào trong khi giữ nguyên ở chiều bán ra, giao dịch tại 26.850 VND/USD và 26.950 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 18/12, lãi suất chào bình quân LNH VND tăng 0,10 – 0,70 đpt ở các kỳ hạn ngắn trong khi đi ngang ở kỳ hạn 1M so với phiên trước đó, giao dịch tại: ON 4,60%; 1W 5,10%; 2W 7,20% và 1M 7,10%. Lãi suất chào bình quân LNH USD giảm 0,01 – 0,09 đpt ở tất cả các kỳ hạn, giao dịch tại: ON 3,69%; 1W 3,74%; 2W 3,77%, 1M 3,81%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tăng ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ giữ nguyên ở kỳ hạn 5Y, chốt phiên với mức: 3Y 3,02%; 5Y 3,22%; 7Y 3,49%; 10Y 4,00%; 15Y 4,08%.
- Nghịệp vụ thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, phiên 18/12, NHNN chào thầu 1.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 7 ngày, 5.000 tỷ đồng ở mỗi kỳ hạn 28 ngày và 91 ngày, lãi suất đều ở mức 4,5%. Không có khối lượng trúng thầu ở kỳ hạn 7 ngày, có 5.000 tỷ đồng trúng thầu ở mỗi kỳ hạn 28 và 91 ngày. Có 15.739,36 tỷ đồng đáo hạn. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN. Như vậy, NHNN hút ròng 5.739,36 tỷ đồng từ thị trường phiên hôm qua. Có 354.947,39 tỷ đồng lưu hành trên kênh cầm cố.

## Cách thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).

## Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm "Uncle": Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

# BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

DXY sẽ phá vỡ ngưỡng hỗ trợ trong giai đoạn tới ?



Tỷ lệ tiền mặt/Tài sản hộ gia đình đang ở mức rất cao kể từ 1990

Household Cash as Percent of Total Financial Assets



Source: Federal Reserve Bank, Financial Accounts of the United States - Z.1, as compiled by Citadel Securities, GMI, as of December 18th, 2025.

Figures are for illustrative purposes only. Past performance figures do not guarantee future results.

# TTCK MỸ

Tin tức CPI tốt hơn dự kiến, TTCK Mỹ lấy lại đà tăng giá

NVIDIA vận động theo mô hình Bullish Falling Wedge – Tín hiệu tích cực

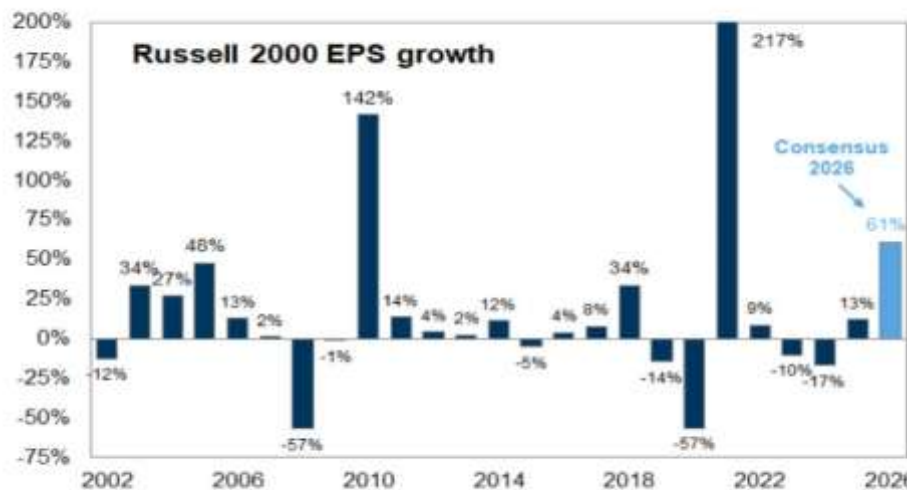


Hiệu suất TTCK Mỹ thường tốt trong tuần giáng sinh



Năm 2026 sẽ là năm của các cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ ?

Exhibit 10: Russell 2000 annual EPS growth



Source: FactSet, Goldman Sachs Global Investment Research

Nasdaq vẫn duy trì được xu hướng tăng ?



**Kết luận:** Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng điểm vào phiên giao dịch tối nay.



**(\*)Bản quyền:** Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest.

**Tuyên bố miễn trách nhiệm:** Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng. Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào. Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.

### CTCP Chứng khoán Smart Invest (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>  
 1900 1811  
 [trungtamcskh@aas.com.vn](mailto:trungtamcskh@aas.com.vn)



TRẢI NGHIỆM NGAY

